

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa chị N và anh P

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/DS/ST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N - Sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P - Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị N, anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 06 năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do tính cách và

quan điểm sống không hòa hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, tháng 9/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, cũng từ đó vợ chồng không gặp gỡ nhau lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản, công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Bùi Thị H là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn P trình bày: Thời gian kết hôn đúng như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh P chung sống cùng gia đình bà khoảng 2 tháng thì chị N bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 9/2019, do anh chị hiểu lầm nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Việc chị N có đơn xin ly hôn, anh P đã biết nhưng hiện nay anh P bận công việc nên không đến Tòa án được, bà cũng nhất trí với việc chị N xin ly hôn anh P. Giữa chị N và anh P không có con chung; không có tài sản gì.

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị N xin ly hôn anh P, và các thông báo của Tòa án gửi cho anh P, bà đã thông báo cho anh P biết nhưng anh có nói do bận công việc nên anh không đến Tòa án được. Việc chị N có đơn xin ly hôn, anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại điều 70 Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đã nhiều lần Tòa án triệu tập tuy nhiên bị đơn vẫn không có mặt thể hiện ý thức thiếu tôn trọng pháp luật, đã vi phạm các Điều 70,72 BLTTDS.

- Về Nội dung: Xét thấy: Vợ chồng chị N, anh P không còn tình cảm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn P.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau vào tháng 6 năm 2019, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, luôn xảy ra bất hòa, cãi nhau. Tháng 9/2019 chị N về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị N đề nghị xin được ly hôn với anh P.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn P đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Bùi Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn P.

2. Án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số BB/2012/05143 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày; Chị Bùi Thị N có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trữc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trữc Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu